CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Hà Nội, tháng 03 năm 2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khanh	Thành viên
Ông Hồ Xuân Vinh	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Khánh Đại	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/08/2011
Ông Đào Xuân Đức	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 23/08/2011

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

S.Đ.K.K.D: 0103015144 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel: (04) 3577 0781/Fax: (04) 3577 0787
www.vaco.com.vn; info@vaco.com.vn

Số. 056 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 26/03/2012 của Công ty Cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính như sau

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 7 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2011, Công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và phải thu các hợp đồng bán lại cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá các cổ phiếu này do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu này.

Tại ngày 31/12/2011, các khoản tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được Công ty quản lý theo tài khoản tổng (tài khoản đứng tên của Công ty) tại các ngân hàng thương mại dùng để thực hiện các giao dịch nộp rút tiền cho nhà đầu tư.

M.S.D.N: 0102546856 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1450/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	**100**		**388.680.934.832**	**1.240.299.099.093**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**05**	**51.807.725.150**	**165.435.180.696**
1. Tiền	111		14.207.725.150	66.015.180.696
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.600.000.000	99.420.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**06**	**151.407.991.445**	**276.860.173.149**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		158.857.003.653	286.206.816.109
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.449.012.208)	(9.346.642.960)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**173.265.204.385**	**769.667.851.449**
1. Phải thu của khách hàng	131		1.460.469.646	1.377.561.245
2. Trả trước cho người bán	132		2.925.986.316	41.103.424.392
3. Các khoản phải thu khác	138	07	215.294.621.992	728.888.046.412
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(46.415.873.569)	(1.701.180.600)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**12.200.013.852**	**28.335.893.799**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		170.851.251	617.543.918
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.398.439	2.810.334
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	08	12.025.764.162	27.715.539.547
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	**200**		**19.766.973.166**	**19.433.571.739**
I. Tài sản cố định	**220**		**9.507.674.504**	**9.638.131.108**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	09	3.295.486.253	3.109.102.435
- Nguyên giá	*222*		*9.002.823.886*	*10.891.498.763*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(5.707.337.633)*	*(7.782.396.328)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.592.688.251	2.909.528.673
- Nguyên giá	*228*		*3.528.704.188*	*4.125.018.388*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(936.015.937)*	*(1.215.489.715)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	3.619.500.000	3.619.500.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**1.025.000.000**	**575.000.000**
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	1.025.000.000	575.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**9.234.298.662**	**9.220.440.631**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	524.180.083	2.117.207.163
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	14	6.110.562.467	3.262.545.388
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.599.556.112	3.840.688.080
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**408.447.907.998**	**1.259.732.670.832**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**97.998.389.110**	**858.815.940.852**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**97.998.389.110**	**858.753.827.877**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	36.109.759.991	463.628.393.100
2. Phải trả người bán	312		713.836.830	2.023.588.618
3. Người mua trả tiền trước	313		840.090.320	820.090.320
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	8.129.843.102	11.555.023.943
5. Phải trả nhân viên	315		825.769.162	5.257.188.291
6. Chi phí phải trả	316	17	5.754.533.406	14.916.823.572
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1.548.511.462	228.307.158.353
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	19	40.949.796.610	129.498.434.146
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.964.687.900	2.126.740.295
10. Qũy khen thưởng phúc lợi	323		351.050.139	620.387.239
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		810.510.188	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**62.112.975**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	62.112.975
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**	**20**	**310.449.518.888**	**400.916.729.980**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**310.449.518.888**	**400.916.729.980**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		390.000.000.000	390.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.868.000.000	2.868.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(88.418.481.112)	2.048.729.980
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**400**		**408.447.907.998**	**1.259.732.670.832**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-CTCK
Đơn vị: VND

	Mã số	31/12/2011	31/12/2010
1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
3. Tài sản nhận ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Chứng khoán lưu ký		**1.590.972.320.000**	**1.791.371.220.000**
6.1 Chứng khoán giao dịch	***007***	***1.458.654.560.000***	***1.575.638.120.000***
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	12.495.090.000	15.430.700.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng	009	1.446.159.470.000	1.560.207.420.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	***012***	***104.509.580.000***	***172.391.300.000***
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng	014	104.509.580.000	172.391.300.000
6.3 Chứng khoán chờ thanh toán	***027***	***18.015.900.000***	***43.341.800.000***
- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	70.000.000	-
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng	029	17.945.900.000	43.341.800.000
6.4 Chứng khoán chờ giao dịch	***037***	***9.792.280.000***	***3.772.970.000***
- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	1.020.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng	039	9.792.280.000	3.771.950.000
7. Chứng khoán chưa niêm yết		**55.769.180.000**	**74.970.770.000**
7.1 Chứng khoán giao dịch	***051***	***55.769.180.000***	***74.970.770.000***
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	55.769.180.000	74.970.770.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng	053	-	-

S.Đ.K.K.D: 0103015146-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Lã Thị Quy
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu	**01**	**21**	**88.202.374.834**	**214.237.511.599**
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		12.355.449.657	57.372.648.684
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		3.529.979.929	17.164.517.950
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		329.545.455	2.340.117.998
Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	01.7		-	30.000.000
Doanh thu khác	01.9		71.987.399.793	137.330.226.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**31.988.221**	**6.952.071**
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	**10**		**88.170.386.613**	**214.230.559.528**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	**11**	**22**	**167.566.549.550**	**146.793.852.477**
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	**20**		**(79.396.162.937)**	**67.436.707.051**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**15.397.322.983**	**26.717.012.425**
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	**30**		**(94.793.485.920)**	**40.719.694.626**
8. Thu nhập khác	**31**	**23**	**3.809.352.257**	**3.396.555.651**
9. Chi phí khác	**32**		**813.478.430**	**18.784.519**
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**2.995.873.827**	**3.377.771.132**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**(91.797.612.093)**	**44.097.465.758**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**24**	**-**	**-**
13. Chi phí thuê TNDN hoãn lại	**52**		**-**	**-**
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**(91.797.612.093)**	**44.097.465.758**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**26**	**(2.354)**	**1.365**

S.Đ.K.K.D: 0103015146-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Lã Thị Quy
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	121.568.763.954	275.763.836.892
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(6.787.640.069)	(103.685.709.725)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(2.333.417.791)	(1.942.012.443)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	1.582.318.307.837	13.811.883.473.082
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(1.208.313.848.570)	(13.820.870.941.389)
6. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(12.868.073.516)	(280.276.277.773)
7. Tiền chi trả cho người lao động	11	(10.974.510.832)	(16.512.539.330)
8. Tiền chi trả lãi vay	12	(54.950.936.624)	(52.682.234.356)
9. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(1.000.000.000)	(1.800.000.000)
10. Tiền thu khác	14	2.209.886.218.426	3.006.321.639.470
11. Tiền chi khác	15	(2.306.491.610.674)	(3.251.552.556.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***310.053.252.141***	***(435.353.321.970)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.423.492.367)	(3.849.146.446)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	169.908.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(46.849.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(450.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	725.734.560
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.541.509.789	36.229.593.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***837.925.422***	***(13.742.818.446)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	136.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	441.090.436.080	790.093.075.207
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(865.609.069.189)	(425.764.682.107)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(424.518.633.109)***	***500.328.393.100***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(113.627.455.546)**	**51.232.252.684**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**165.435.180.696**	**114.202.928.012**
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**51.807.725.150**	**165.435.180.696**

S.Đ.K.K.D: 0103015146-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Lã Thị Quy
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006 với vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; Giấy phép thành lập và hoạt động số 37/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2006.

Theo Quyết định số 124/UBCK-GP ngày 23/04/2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên 260.000.000.000 đồng. Trong năm 2010, Công ty tăng vốn điều lệ lên 390.000.000.000 đồng và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 338/UBCK-GP ngày 07/07/2010.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 107 người (tại ngày 31/12/2010 là 163 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, nằm trong tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương: Một số cổ đông của Công ty này đồng thời là cổ đông của Công ty.
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong năm nay, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi chung trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01/02/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư chứng khoán (Tiếp theo)

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các Công ty nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào đơn vị nhận đầu tư.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 06

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 10 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài, được phân bổ từ 2 năm đến 4 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuê tài sản

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu đước ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

- ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:***

  Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- ***Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:***

  Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

- ***Doanh thu hoạt động tư vấn:***

  Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- ***Doanh thu khác:***

  Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty còn khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là 26.646.395.128 VND và khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là 94.339.121.882 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	200.300.155	356.081.081
Tiền gửi ngân hàng	13.684.076.447	65.272.614.455
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	323.348.548	386.485.160
Các khoản tương đương tiền (i)	37.600.000.000	99.420.000.000
	51.807.725.150	**165.435.180.696**

Trong số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền có bao gồm 40.811.730.347 VND là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán (xem thêm Thuyết minh số 19).

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chứng khoán thương mại	***100.183.137.673***	***195.618.056.109***
Cổ phiếu chưa niêm yết (i)	89.221.204.110	168.043.830.617
Cổ phiếu niêm yết	10.961.933.563	27.574.225.492
Đầu tư ngắn hạn khác	***58.673.865.980***	***90.588.760.000***
Đầu tư ngắn hạn khác (ii)	58.673.865.980	90.588.760.000
Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	***(7.449.012.208)***	***(9.346.642.960)***
Cổ phiếu niêm yết	(7.449.012.208)	(9.346.642.960)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**151.407.991.445**	**276.860.173.149**

Ghi chú:

(i) Giá trị cổ phiếu chưa niêm yết Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.

(ii) Đầu tư ngắn hạn khác là theo các hợp đồng cho vay hỗ trợ ngắn hạn đầu tư chứng khoán được ký giữa Công ty và các nhà đầu tư. Tài sản đảm bảo là giá trị tiền và chứng khoán của nhà đầu tư, Công ty được hưởng lãi trên khoản hỗ trợ ngắn hạn này.

	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán VND	Giảm so với giá thị trường VND	Giá trị theo giá thị trường VND
Chứng khoán đầu tư	***6.833.427***	***100.183.137.673***	***(7.449.012.208)***	***92.734.125.465***
Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.833.427	100.183.137.673	(7.449.012.208)	92.734.125.465
Đầu tư tài chính khác	-	58.673.865.980	-	***58.673.865.980***
	6.833.427	**158.857.003.653**	**(7.449.012.208)**	**151.407.991.445**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán (i)	21.271.100.000	40.150.100.000
Phải thu hoạt động giao dịch mua ký quĩ chứng khoán	105.943.616.157	556.403.941.025
Lãi dự thu hoạt động giao dịch mua ký quĩ chứng khoán	12.146.239.079	15.240.928.060
Lãi dự thu từ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.289.093.946	4.942.303.300
Các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán (ii)	46.302.913.824	96.496.206.698
Phải thu khác	14.341.658.986	15.654.567.329
	215.294.621.992	**728.888.046.412**

Ghi chú:

(i) Phải thu liên quan đến các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng (COTEC) với giá trung bình 12.489 đồng/cổ phần và các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Liên Minh với giá trung bình 11.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của hai Công ty này chưa niêm yết. Tại ngày 31/12/2011, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu.

(ii) Phải thu liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết giữa Công ty với các nhà đầu tư. Theo hợp đồng thì hai bên cùng góp vốn đầu tư các mã chứng khoán niêm yết và phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	11.963.366.162	23.270.616.247
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	62.398.000	4.444.923.300
	12.025.764.162	**27.715.539.547**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 31/12/2010	**25.686.000**	**661.060.000**	**10.204.752.763**	**10.891.498.763**
Tăng trong năm	176.620.252	778.829.000	259.200.718	1.214.649.970
Mua sắm mới	*176.620.252*	*778.829.000*	*259.200.718*	*1.214.649.970*
Giảm trong năm	-	-	3.103.324.847	3.103.324.847
Thanh lý	-	-	*3.103.324.847*	*3.103.324.847*
Tại ngày 31/12/2011	**202.306.252**	**1.439.889.000**	**7.360.628.634**	**9.002.823.886**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 31/12/2010	**4.994.500**	**44.070.667**	**7.733.331.161**	**7.782.396.328**
Tăng trong năm	26.478.896	108.739.058	788.463.545	923.681.499
Khấu hao trong kỳ	*26.478.896*	*108.739.058*	*788.463.545*	*923.681.499*
Giảm trong năm	-	-	2.998.740.195	2.998.740.195
Thanh lý	-	-	*2.998.740.195*	*2.998.740.195*
Tại ngày 31/12/2011	**31.473.396**	**152.809.725**	**5.523.054.511**	**5.707.337.633**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	**20.691.500**	**616.989.333**	**2.471.421.602**	**3.109.102.435**
Tại ngày 31/12/2011	**170.832.856**	**1.287.079.275**	**1.837.574.123**	**3.295.486.253**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2010	**3.959.068.100**	**165.950.288**	**4.125.018.388**
Tăng trong năm	79.434.000	-	79.434.000
Mua sắm mới	*79.434.000*	-	*79.434.000*
Giảm trong năm	675.748.200	-	675.748.200
Thanh lý	*675.748.200*	-	*675.748.200*
Tại ngày 31/12/2011	**3.362.753.900**	**165.950.288**	**3.528.704.188**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 31/12/2010	**1.164.782.683**	**50.707.032**	**1.215.489.715**
Tăng trong năm	387.054.965	9.219.457	396.274.422
Khấu hao trong kỳ	*387.054.965*	*9.219.457*	*396.274.422*
Giảm trong năm	675.748.200	-	675.748.200
Thanh lý	*675.748.200*	-	-
Tại ngày 31/12/2011	**876.089.448**	**59.926.489**	**936.015.937**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	**2.794.285.417**	**115.243.256**	**2.909.528.673**
Tại ngày 31/12/2011	**2.486.664.452**	**106.023.799**	**2.592.688.251**

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư dự án tại Khu đô thị mới An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	3.619.500.000	3.619.500.000
	3.619.500.000	**3.619.500.000**

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào Trường Đại học Đông Nam Á (i)	575.000.000	575.000.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	450.000.000	-
	1.025.000.000	**575.000.000**

Ghi chú:

(i) Đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn để thành lập Trường Đại học Đông Nam Á, Công ty chiếm 5% vốn điều lệ. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, trường đại học đang trong quá trình thành lập.

(ii) Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư CIC theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký hai bên vào tháng 06 năm 2011.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số dư đầu năm	2.117.207.163	-
Tăng trong năm	578.758.631	2.449.551.533
Phân bổ vào chi phí trong năm	(2.171.785.711)	(332.344.370)
Số dư cuối năm	**524.180.083**	**2.117.207.163**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tiền nộp ban đầu	494.938.176	494.938.176
Tiền nộp bổ sung	4.770.706.230	2.591.080.992
Lãi phân bổ trong năm	844.918.061	176.526.220
Số dư cuối kỳ	**6.110.562.467**	**3.262.545.388**

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay các tổ chức và cá nhân	36.109.759.991	463.628.393.100
	36.109.759.991	**463.628.393.100**

Bao gồm các hợp đồng vay cá nhân, tổ chức với lãi suất từ 14%/năm đến 19,5%/năm.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.661.803.848	3.771.915.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.200.000.000	4.530.401.001
Thuế thu nhập cá nhân	2.268.039.254	3.252.707.556
	8.129.843.102	**11.555.023.943**

Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân là số chưa được cơ quan thuế quyết toán.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi vay phải trả	2.386.612.341	14.273.853.572
Trích trước tiền ăn ca và chi phí thuê nhà	-	642.970.000
Chi phí phải trả khác	3.367.921.065	-
	5.754.533.406	**14.916.823.572**

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	68.967.173
Phải trả ngân hàng về ứng trước tiền bán và cầm cố chứng khoán	-	224.690.000.000
Phải trả phải nộp khác	1.548.511.462	3.548.191.180
	1.548.511.462	**228.307.158.353**

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	49.572.231	650.382.860
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	88.494.032	96.000.000
Phải trả tiền ký quỹ của nhà đầu tư	40.811.730.347	128.752.051.286
	40.949.796.610	**129.498.434.146**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	**260.000.000.000**	**-**	**2.868.000.000**	**(42.048.735.778)**
Tăng trong năm	***130.000.000.000***	***6.000.000.000***	**-**	***44.097.465.758***
Lãi trong năm	-	-	-	44.097.465.758
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	**390.000.000.000**	**6.000.000.000**	**2.868.000.000**	**2.048.729.980**
Tăng trong năm	-	-	-	**1.330.401.001**
Tăng khác (i)	-	-	-	1.330.401.001
Giảm trong năm	-	-	-	***(91.797.612.093)***
Lỗ trong năm	-	-	-	(91.797.612.093)
Số dư tại 31/12/2011	**390.000.000.000**	**6.000.000.000**	**2.868.000.000**	**(88.418.481.112)**

Ghi chú: (i) Năm 2009 trên Báo cáo tài chính tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp là 1.330.401.001 đồng nhưng khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty đã chuyển lỗ của năm 2008 nên thực tế không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009. Năm 2011, Công ty điều chỉnh khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2009 vào lợi nhuận chưa phân phối.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2011:

Cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập:	
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	*39.000.000 cổ phiếu*
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	*39.000.000 cổ phiếu*
+ Mệnh giá của cổ phiếu	*10.000 đồng/cổ phiếu*
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	*39.000.000 cổ phiếu*

21. DOANH THU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	12.355.449.657	57.372.648.684
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.529.979.929	17.164.517.950
Doanh thu hoạt động tư vấn	329.545.455	2.340.117.998
Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	-	30.000.000
Doanh thu khác	71.987.399.793	137.330.226.967
Doanh thu ứng trước tiền bán	*5.180.489.348*	*15.075.513.298*
Doanh thu các hợp đồng bán lại chứng khoán	*1.429.003.650*	*2.069.476.552*
Doanh thu hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán	*46.720.220.956*	*80.217.835.177*
Doanh thu lãi tiền gửi lãi đầu tư ngắn hạn	*18.657.685.839*	*39.103.968.519*
Doanh thu khác	-	*863.433.421*
	88.202.374.834	**214.237.511.599**

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí môi giới	6.198.553.098	24.066.004.737
Chi phí đầu tư chứng khoán góp vốn	55.675.086.192	50.896.474.868
Chi phí dự phòng	42.085.118.948	(12.938.796.028)
Chi phí lãi vay	43.063.695.393	66.235.698.595
Chi phí khác	20.544.095.919	18.534.470.305
	167.566.549.550	**146.793.852.477**

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Cho thuê văn phòng	3.105.096.033	2.682.399.670
Thu nhập khác	704.256.224	714.155.981
	3.809.352.257	**3.396.555.651**

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**(91.797.612.093)**	**44.097.465.758**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(2.541.509.789)	(3.336.034.187)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Chuyển lỗ của năm trước		(40.761.431.571)
Thu nhập chịu thuế	**(94.339.121.882)**	-
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến khoản mục sau:

	31/12/2011 VND
Lỗ tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, năm hết hạn để chuyển số lỗ này là năm 2013	77.512.355.713
Lỗ tính thuế Công ty chuyển năm 2009	10.104.529.014
Lỗ tính thuế Công ty chuyển năm 2010	40.761.431.571
Lỗ tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 còn lại chuyển lỗ vào các kỳ tiếp theo	26.646.395.128
Lỗ tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, năm hết hạn để chuyển số lỗ này là năm 2016	94.339.121.882

Khoản lỗ tính thuế này chưa được cơ quan thuế quyết toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(91.797.612.093)	44.097.465.758
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	39.000.000	32.304.110
Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(2.354)	1.365
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

27. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ

	Khối lượng giao thực hiện trong năm Cổ phiếu	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Của Công ty chứng khoán	**15.479.618**	**239.966.632.184**
- Cổ phiếu	15.479.618	239.966.632.184
b) Của nhà đầu tư	**358.010.576**	**4.799.755.636.800**
- Cổ phiếu	358.010.576	4.799.755.636.800
	373.490.194	**5.039.722.268.984**

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan.

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Nhận tiền ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	58.000.000.000	42.090.265.440
Trả tiền ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	53.500.000.009	46.590.265.440
Lãi phải trả hoạt động ủy thác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	2.885.801.774	1.172.582.299

Số dư với bên liên quan

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Phải trả tiền ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	7.499.999.991	3.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc	1.617.909.900	1.433.348.360

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 8.805.425.315 đồng.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng 1 năm tới	6.184.812.374	4.643.640.960
Từ năm thứ hai đến năm thứ tư	11.336.612.639	13.930.922.880
	17.521.425.014	**18.574.563.840**

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu năm 2010 đã được kiểm toán. Một số khoản mục của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

	Trình bày lại trên báo cáo 2011 VND	Trình bày trên báo cáo 2010 VND
Bảng cân đối kế toán		
Phải thu khác	728.888.046.412	772.627.806.412
Đầu tư ngắn hạn khác	90.588.760.000	46.849.000.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	8.266.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	195.618.056.109	187.352.056.109
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(2.478.000.000)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(9.346.642.960)	(6.868.642.960)
Vay và nợ ngắn hạn	463.628.393.100	460.628.393.100

S.Đ.K.K.D:0103015146-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Lã Thị Quy
Kế toán trưởng